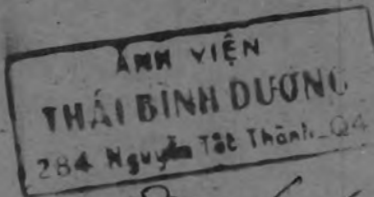


1075



25/6/9

VI - 14



HUYNH CONG QUAN

DOB: FEB 28, 1948



DOB: FEB 21, 1951



HUYNH THI

BICH CHI

DOB : MAR 17, 1973



HUYNH THI

BICH DUYEN

DOB: NOV 8, 1971

T.P. Hồ Chí Minh ngày 9-11-1990

Lính gởi: Bà Khúc - Minh - Ghó
Hội trưởng Hội Cựu Chiến Binh Bình Trị Việt Nam
tại: Hoa - Kỳ

Đề mục: Đơn xin cứu xét nhân đạo can thiệp để được
định cư Hoa - Kỳ qua chương trình ODP diện 1 góa phụ
và 2 con, thân nhân của 1 cựu Sĩ - quan Không Quân
đã mất tích năm 1972

Thỉnh thưa Bà.

Tên tôi là: Nguyễn Thị Minh - Nguyệt

Sinh ngày: 21-2-1951 tại Sài Gòn

Hiện thường trú tại: 103/3 Đường Đoàn Văn Bè.

Nơi dân, phường 13, Quận 4, T.P. Hồ Chí Minh.

Trân trọng kính xin Bà cứu xét và giúp đỡ một việc như sau

Ông tôi là: Nguyễn Công Luận sinh ngày 28-2-48

tại Saigon cấp bậc: Thiếu úy, Phi công Tuần trưởng

Số quân 68/601832, Thuộc Sư đoàn 3 Không Quân

của Quân Lực Việt - Nam Cộng - Hòa

Năm 1972 chúng tôi thi hành Phi vụ hành quân tại
phần phía Đông Bắc Thái. Ông tôi bị rơi xuống biển
và được báo cáo mất tích vào ngày 21-6-1972

Kể từ ngày ấy tôi phải phân - đấu với bao khổ - khổ để
môi dưỡng 2 con thơ thiếu tình thương của cha :

Có tên như sau

1) Nguyễn Thị Bích Duyên sinh ngày 8-11-1971.

2) Nguyễn Thị Bích Chi sinh ngày 17-3-1973

Cơ thể phân tán ba lòng nặng trĩu bao nỗi buồn đau
hàng cuộc sống, mong chóng được về với gia đình để dạy
dỗ con thơ, nhưng ngày này qua tháng nọ, cho tới bây giờ

anh chưa thấy chồng và cha trở về sum họp gia đình

Cô nhân thiết kính xin Bà xét cho hoàn cảnh và nhân đạo giúp đỡ can thiệp với B. Linh Phủ. Hoa Kỳ đi mẹ con tôi được vào danh sách tại đình cư Hoa Kỳ qua chương trình ODP

Thỉnh thưa Bà. Bà là người sâu sắc, là điểm tựa cho tôi, thưa Bà tôi đã bắt hạnh với một thời gian dài gian truân tôi phải gánh lấy 1 mình. May là Bà cho chúng tôi đặt hy vọng ở nơi Bà đi con của tôi có một ngày mai tươi sáng và hạnh phúc

Thưa Bà: Khi còn nhậm chức chồng tôi được thụ huấn tại Hoa Kỳ. tôi còn cất giữ các chứng từ đó:

- certificate of Training for (U-H-1) FOREIGN MILITARY GUNNERY QUALIFICATION, cấp ngày 13-10-1970 tại United States Army Aviation School Element Hunter Army Airfield, Georgia.
- certificate for completing the UNAF improvement and modernization course, cấp ngày 15-2-1971 bởi 148th Assault Helicopter company and THE UNITED STATES AIR FORCE cấp ngày 17 July 1971
- English Language School cấp ngày 4 MARCH 1970

Thỉnh thưa Bà: gia đình tôi đang mang ở B. nhiều hình ảnh và biết ơn Bà và B. B. B.

Hình ảnh

Muell

Thầy Thi Minh An

Đính kèm:

- 1 chứng thư mặt tích chồng
- 1 hôn thú
- 3 khai sinh 3 mẹ con
- 4 chứng chỉ tại Hoa Kỳ của chồng
- 1 Bản tướng mạo quân sự
- 1 ảnh của chồng
- 3 ảnh mẹ và con

TỔ TỔNG TRÌNH ỦY KHUẾ VỀ TRƯỞNG HỢP
XÂY RA TÀI NẠN CỦA THIẾU ỦY HUYNH CONG QUAN
SỐ QUAN 68/601.832

VIỆT NAM CONG HOA
BỘ QUỐC PHÒNG
BỘ CÔNG THAM MUU QLVNCH
KHÔNG QUAN
SỞ ĐOÀN 3 KHÔNG QUAN

Số 5749/SD3KQ/KDYCBH/NV.

Tổ tổng-trình ủy-khuế này xác-nhận tình-trạng của Thiếu-Ủy
HUYNH CONG QUAN số-quan 68/601.832 (nghề-nghiệp dân sự học-sinh) Con của
Ông HUYNH TAN SO và Bà TRAN THI HAI .

Nguyên-vắc ngày 21 tháng 6 năm 1972, trong một phi-vụ yem-tro
hành-quan tại toạ-đo XT 780.730 thuộc phía đông Tân-Khai. Trong lúc đang bay
yem-tro do quan, phi-co của đường-sự đã bị đạn địch bắn cháy và rớt tại toạ-
đo ghi trên thuộc vùng Tân-Khai. Sau đó đường-sự được ghi nhận là mất-tích
lúc 09 giờ 30 ngày 21 tháng 6 năm 1972 .

Với những lý-do nêu trên SD3KQ chúng tôi trân-trọng đề-nghị sự
mất-tích của đường-sự được quy-trách công-vụ .-

NƠI NHẬN :

- B.ILKQ/P. Tuyen Binh + P. Quan-TRI NV
- B.ILKQ/P. Phap-Che HC + K. CTCT
- B.ILKQ/Khoi An-Ninh "Đa báo-cáo"
- SÁO KINH-GOI :
- B.TM/P. Tng-Quan-TRI
- Bộ Chỉ-Chiến Binh & Phe Binh
- Sở Hành-Chanh & Tài-Chanh số 9
- "Đa kinh-tương"
- SD3KQ/KD3BTR/LD. Trep Lieu
- SD3KQ/P. Tai-Chanh + P. An-Ninh
- "Đa thông-báo"
- LƯU + Ho-so .

K.B.C. 3.004, ngày 5-7-72

T. U. N. SU DOAN TRUONG
Đại-Tổ PHUNG VAN CHIEU
Không-Doan Truong
Không-Doan Yem-Cu Bien-Hoa

TOU TI NGUYEN-VAN-SEP
Trưởng Phòng Nhân-Viên

lec

VIỆT NAM CỘNG-HÒA
ĐÔ-THÀNH SAIGON

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Quận: Đ

Lập ngày 22 tháng 03 năm 19 73

PHƯỜNG

Số hiệu: 134

Tên họ đứa trẻ. . . .	<u>Huỳnh Thị Bích-Chi</u>
Con trai hay con gái. .	<u>Nữ</u>
Ngày sanh.	<u>ngày mười bảy, tháng ba, năm một ngàn chín trăm bảy mươi ba tức 7/10</u>
Nơi sanh.	<u>Saigon, 41 Lê Thạch</u>
Tên họ người cha. . .	<u>Huỳnh Công Quan</u>
Tên họ người mẹ. . .	<u>Nguyễn-Thị Minh Nguyệt</u>
Vợ chánh hay không có hôn-thủ. . . .	<u>Vợ Chánh</u>
Tên họ người đứng khai.	<u>XXXXXXXXXX</u>

CHỨNG NHẬN

Giấy khai sinh chính do Ủy ban Quốc gia

do Ủy ban Quốc gia

Ngày 12 tháng 9 năm 19 70



[Handwritten signature]



TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÁNH

Saigon, ngày 12 tháng 10 năm 19 73

V24-Chức Hội tịch, 73

[Handwritten signature]

NAM-PHÂN

BỘ-THÀNH SAIGON

Bản số 1815



VIỆ-NAM CỘNG-HÒA

HỘ-TỊCH

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm năm mươi một (1951)

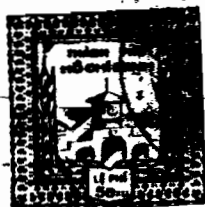
Tên, họ đứa nhỏ	Nguyễn thi Minh-Nguyệt
Phái	nữ
Ngày sanh	ngày hai mươi một tháng hai năm một ngàn chín trăm năm mươi một, 18g10
Nơi sanh	Saigon, 41, đường Bersésio
Tên, họ người cha	Nguyễn văn Tài chịu nhin đưa cho là tài
Nghề nghiệp	thợ bạc
Nơi cư-ngụ	Saigon, 471, đường Matelot Manuel
Tên, họ người mẹ	Trần thị Gái
Nghề-nghiệp	nhà trọ
Nơi cư-ngụ	Saigon, 471, đường Matelot Manuel
Vợ chánh hay thứ	

CHƯƠNG-NHÂN

12

9

90



[Handwritten signature]

Trần Gái

THAM/2

TRÍCH-LỤC Y BỔN CHÁNH :

Saigon, ngày 11 tháng 3 năm 1964

T.U.N. BỘ-TRƯỞNG SAIGON
TRƯỞNG-PHÒNG HỘ-TỊCH

[Handwritten signature]



HOÀN-ĐÌNH-LIÊU

Số hiệu: **4376**

★

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Năm một ngàn chín trăm **bảy mươi một (1971)**

Tên, họ đứa nhỏ	Huỳnh thị Bích Duyên
Phái	nữ
Ngày sanh	ngày tám tháng mười một năm một ngàn chín trăm bảy mươi một
Nơi sanh	Saigon 41 Lê Thạc
Tên, họ người Cha	Huỳnh công Quan
Tuổi	hai mươi ba
Nghề-nghiệp	Quân nhân
Nơi cư-ngụ	Saigon 331 Đỗ thành Nhân
Tên, họ người Mẹ	Nguyễn thị Linh Nguyệt
Tuổi	hai mươi
Nghề-nghiệp	nội trợ
Nơi cư-ngụ	Saigon 331 Đỗ thành Nhân
Vợ chánh hay thứ	Vợ chánh

Saigon, ngày **12** tháng **11** năm 19**71**TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÍNH: **T/10**Saigon, ngày **19** tháng **11** năm 19**71**

IN. QUẢN-TRƯỞNG QUẬN 4



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

ĐÔ-THÀNH SAIGON

QUẬN

Số hiệu **XII**

★

TRÍCH-LỤC CHỨNG-THƯ HÔN-THÚ

TÊN HỌ NGƯỜI CHỒNG **HUY-H CÔNG QUAM**

nghề - nghiệp **Quan nhân**

sinh ngày **28** tháng **2** năm **1948**

tại **Saigon**

cư trú tại **Saigon, 331 Đô thành Nhân**

tạm trú tại **//**

Tên họ cha chồng **HUYNH TÁM BỐ**

(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ chồng **TRẦN THỊ HAI**

(Sống chết phải nói)

TÊN HỌ NGƯỜI VỢ **NGUYỄN THỊ HI-ÊN NGUYỄN**

nghề - nghiệp **Hồi trợ**

sinh ngày **21** tháng **2** năm **1951**

tại **Saigon**

cư trú tại **Saigon, 103/3 Đô thành Nhân**

tạm trú tại **//**

Tên họ cha vợ **NGUYỄN VĂN TÀI**

(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ vợ **TRẦN THỊ GAI**

(Sống chết phải nói)

Ngày lập hôn thú **15** tháng **7** năm **1971**

Vợ chồng khai có hay không **//**

ngày tháng năm

tại

TRÍCH LỤC Y BỒN CHÍNH :

Saigon, ngày **10** tháng **1** năm **1971**

QUẢN TRƯỞNG QUẬN

KT. Viên Chức Hộ tịch

QUẢN LÝ CHỦ SỰ HẠNH CHA-H

Như

CHỖ VẮN BỐN



BẢN TƯỚNG-MẠO VÀ QUÂN-VỤ

Đơn-vị

SU ĐOÀN 3 THÔNG QUÂN

CỦA Biên Ủy IS HUYNH CÔNG QUÂN

Số quân 6/601.832

Trích-lục theo Quân-bộ, lý-lịch của đương-sự

HỒ - TỊCH	NHÂN - DẠNG
Sinh ngày <u>26 - 2 - 1948</u> tại <u>Sai Gòn</u>	Tóc <u>//</u>
Quận <u></u>	Mắt <u></u>
Tỉnh <u>Sai Gòn</u>	Trán <u>//</u>
Nghề-nghiệp <u></u>	Mũi <u></u>
Con của Ông <u>HUYNH TAN SO</u>	Khuôn mặt <u></u>
và Bà <u>TRAN THI HAI</u>	<u></u>
Ngụ tại <u>331 Do Thanh Nhân, Khanh Hoa</u>	<u></u>
Quận <u></u>	Cao : 1 thước
Tỉnh <u>Sai Gòn</u>	DẤU TÍCH ĐẶC BIỆT :
Kết hôn ngày <u></u> với cô <u>HUYNH THI MINH NGUYEN</u>	<u>//</u>
Ngụ tại <u>6 103/3 Do Thanh Nhân Khanh Hoa</u>	
Quận <u></u> Tỉnh <u>Sai Gòn</u>	
Giấy phép kết hôn của <u></u>	

Nguyên lai binh nghiệp (1)

QUÂN - VỤ LIÊN - TIẾP

-Thành niên thuộc hàng tuổi 1968 được gọi nhập ngũ khoa 7/68 theo tỉnh thanh SVVT số 1012/TM/TM/H/TH3 ngày 12-3-68. Được gọi trình diện ngày 21-9-68 do LB số 354962 ngày 17-9-68. Được gọi trình diện tại SG 21-9-68 công vụ bắt đầu k/t ngày 21-9-68. Khoa sinh DS, SQB khoa 7/68 đến thu huấn tại TNLQT ngày 30-9-68 tại nghiệp giới đoàn. CBQS được th/ch đến trường BB k/t ngày 10-12-68 do LTC số 568/THV/KS1 ngày 06-12-68. Đến TB ngày 10-12-68 do theo học khoa 7/68 QSB được hưởng lương và phụ cấp lương bổng theo cấp bậc Th/Bi TB trật 1 k/t ngày 10-12-68 do QĐ số 12259/THB/PNV/QKS/QV ngày 18-12-68. Được trưng tuyển lý thi nam giới đoàn 2 (TB). Th/ch đến DTQH của Bộ TKQ do học Phi công công vụ k/t ngày 12-4-69 do LTC số 3123/THB/PNV/QKS/TC ngày 17-4-69. Về đơn vị công vụ trong đơn vị k/t ngày 12-4-69. Được cử theo học khoa 7/69 Anh Ngụ khai giảng 16-6-69 tại TNLQĐ do SVVT số 10196/TM/KQ/KHL/TH ngày 05-7-69 th/ch đến Đại ĐHQK/IS Anh Ngụ k/t ngày 12-4-69 do LTC số 3123/THB/PNV/QKS/TH ngày 17-4-69 số 7 do số 08969/TM/KQ/QT/2 ngày 11-6-69. Th/ch do ĐHQK/IS k/t ngày 02-1-70 do LTC số 01626/TM/KQ/QT/7 ngày 30-1-70. Được cấp Ch/Ủy k/t ngày 12-4-69 do ND số 245/TM/ND 10-5-69. Được cử theo học Khoa Pilot UH1 khai giảng ngày 2-1-70 tại HK do SVVT số 0954/TM/KQ/KHL/PHI ngày 20-1-70 Môn Khoa 7/69 ANH tại TNLQĐ do SVVT số 19082/TM/KQ/KHL/PHI ngày 18-12-69. Môn Khoa Pilot UH1 ngày 12-1-70 do SVVT số 17550/TM/KQ/KHL/PHI

(1) Ghi rõ nếu xuất thân ở các trường Võ-Bị sau đây : Sĩ quan Phả-Lại, Tông, Huế, VBLQDL. TBTĐ-VBĐP hay ghi là được thăng cấp nếu không xuất thân ở các Quân-Trưởng bổ-túc.

ngày 17-1-70. Th/Ch đến SD3KQ k/t ngày 06-11-70 do LTC so 12833/TM/KQ/QT/2 ngày 09-12-70. Được quyền hưởng ưu cấp Khổng Vũ k/t ngày 12-10-70 do QĐ so 01408/TM/KQ/TM/C/PCNV ngày 30-1-71. Thang cấp Th/Ủy TB thúc thu k/t ngày 12-10-70 do QĐ so 500/TM/ND ngày 21-10-71 được cấp phát chứng chỉ Hoa Tien Cảnh Trục Thang UHL (CS 10.148) k/t ngày 04-5-71 do QĐ so 11153/TM/KQ/UHL/THCS/3 ngày 28-6-71. Được cấp phát chứng chỉ Trương Hài do UHL 10158 k/t ngày 2-12-71 do QĐ so 01682/TM/KQ/KHL/DHIL ngày 31-1-72.

Trong một phi vụ yểm trợ hành quân do quân phía Đông Tân Khai, trong lúc đang bay yểm trợ do quân phi cơ của đường số bị bắn cháy và rơi tại tọa độ XT 780.780 thuộc vùng ghi trên và được ghi nhận là mất tích lúc 09g1030 ngày 21-6-72. Do B1DQMT so 5750/SD3KQ/KDYCH/NV ngày 05-07-1972. KBC 3004.

//////////

TỔNG CẤP HỢP ĐỒNG

(1) ghi nhận tại đơn vị

CHIẾN - DỊCH	TUYÊN - DƯƠNG CÔNG - TRẠNG
Từ ngày // đến //	//////////
Từ ngày đến	
Từ ngày đến	
Từ ngày đến	HUY CHƯƠNG
THƯƠNG TÍCH	- FDBT cảnh chim đồng, A COMB. 1960 -
	- QĐ 1/5 - QĐ 1/5 - - QĐ so 9561 - QĐ so 10773.

Đã xem (1) :

KBC 3004

, ngày 25 tháng 2 năm 1972

NHÂN X THUỘC :

ĐẠI LƯƠNG / PHÂN CHỨC / KBT/K SCHE

Trưởng / NGUYỄN VĂN ĐEP. Trưởng Phòng Nhân Viên.

(1) Đơn vị Trưởng



Signature

Department of the Army



Certificate of Training

This is to certify that

WARRANT OFFICER HUYNH CONG QUAN, 68/141.254

has successfully completed

(UH-1) FOREIGN MILITARY GUNNERY QUALIFICATION

13 OCTOBER 1970

Given at

UNITED STATES ARMY AVIATION SCHOOL ELEMENT
HUNTER ARMY AIRFIELD, GEORGIA

TED A. CROZIER
Colonel, Infantry
School Secretary

THE UNITED STATES AIR FORCE



Certifies that

2ND LT NGUYEN CONG QUAN, 65/601332

has successfully completed the

ARMED HELICOPTER XM-93 TRAINING COURSE

and is herewith awarded this

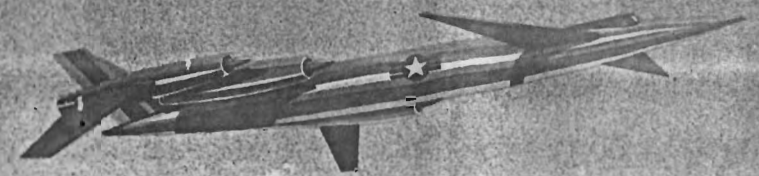
CERTIFICATE of TRAINING

Robert L. Liller
J. ROBERT LILLER, Colonel, USAF
Commander, MAT-3

John E. Surridge
JOHN E. SURRIDGE, Captain, USA
Instructor Pilot

17 July 1971

Date





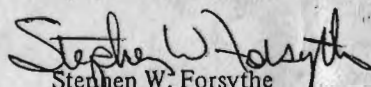
Thunderbirds

118th Assault Helicopter Company

This is to certify that on 15 February 1971

2nd Lt. HUYNH CONG QUAN

has successfully completed the VNAF improvement and modernization course given by the 118th Assault Helicopter Company and is an honorary "Thunderbird".


Stephen W. Forsythe
Captain, Infantry
I and M Officer


Robert H. Smith
Major, Infantry
Commanding

English Language School



Defense Language Institute

Be it known that

WO HUYNH CONG QUAN (VIETNAM)

has successfully completed the

AMERICAN LANGUAGE COURSE

at this institution and by authority of the
Department of Defense
is awarded this

Diploma

Given at Lackland Air Force Base, Texas this 4 day of MARCH 1970

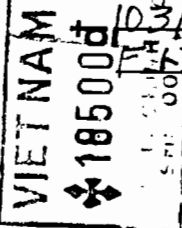
John P. Devine
Director of Instruction

For B. H. H. Coe
Commandant



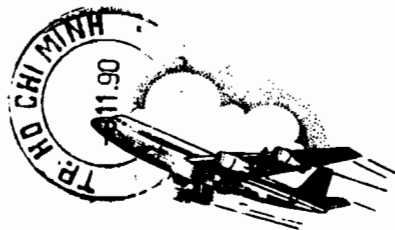
FROM:

Hồ Thị Minh Nguyệt WP



Đoàn V B3 (m d)
Bưu cục 4 T. P. Hồ Chí Minh

Chợ Chết 1972
XEP



PAR AVION VIA AIR MAIL

TO: Bà Khúc Minh-Thu
P.O. BOX 5435 ARLINGTON
VA 22205-0635
U.S.A

Thành Phố Hồ Chí Minh ngày 14-5-1991

Kính gửi: Bà Khắc Minh Cho

Môi trường Môi trường Bình Bình bị Aliet
nam tại Hoa Kỳ.

Lý do: Đơn xin cứu xét nhân đạo đi được đi Hoa Kỳ
tại định cư qua chương trình ODP diện 1 quả phụ
và 2 con là thân nhân của 1 cựu sĩ quan Không
Quân của Việt Nam Cộng Hòa.

Kính thưa Bà:

Tôi tự tên đầy đủ là Nguyễn Thị Minh Nguyệt
sinh ngày 21-2-1951 tại Sài Gòn. Thường trú tại 103/3 Đoàn
vườn Bò nòi dài, phường 13 Quận 4 Thành Phố Hồ Chí Minh.
Đoàn trưởng kính xin Bà cứu xét và giúp đỡ một việc
nhục nhai.

Chồng tôi là: Nguyễn Công Duan sinh ngày 28-2-1948 tại
Sài Gòn cấp bậc Thiếu úy Phi công trực thăng số quân
68/601.832. Thuộc tá Đoàn 3 Không Quân của Quân
Lực Việt-Nam Cộng-Hòa.

Được biết chồng tôi được thụ huấn tại Hoa Kỳ tôi còn cất giữ
các chứng từ đây như là:

- Certificate of Training for (U.H-1) Foreign Military gunery
- Qualification cấp ngày 13-10-1970 tại United States
Army aviation school element Hunter AR My AIR field
Georgia
- Certificate for completing the VNAF improvement and
modernization course cấp ngày 15-2-1971 bởi 118th
Assault Helicopter company

Thưa Bà vào năm 1972 chồng tôi đang thi hành phi vụ
hành quân tại khu vực phía đông tây bắc tỉnh Bình
Thị của chồng tôi bị đối phương bắn trúng vào ngày
21-6-1972 và chồng tôi mất tích từ ngày ấy. Cho đến
bây giờ tôi cũng không biết chồng tôi đã chết hay còn bị giam
giữ ở đâu. Tôi mong Bà lường cho hoàn cảnh của mẹ con tôi
phải chịu bao khổ đau của cuộc sống 1 quả phụ đi nuôi 2
thor thiếu niên trưởng của cha.

Thưa Bà: May tôi được biết chương trình ODP đã giúp được
nhiều người nên tôi khẩn thiết xin Bà giúp đỡ cho

Buổi sáng hôm nay tôi đi theo diện nhân đạo và giúp đỡ cần-thiết
với Chính phủ Hoa-Kỳ cho tôi được danh sách tại định
cứ Hoa-Kỳ qua chương trình ODP xin Bà xem xét cho tôi.

Kính thưa: BàMother Buring.

Bà là vì sao. sáng là điểm tựa cho tôi, tôi rất hy vọng
ở Bà xin Bà giúp đỡ cho tôi và 2 con có một ngày mới
tươi sáng hàng khi chờ đợi xin Bà nhân đạo là lòng biết ơn
của tôi đến với Bà.

Đầu Bà hôm tháng 11-1980 tôi có gởi qua cho Bà và tất cả
đều + giấy tờ cần-thiết mà cho đến nay. Hy vọng Bà hãy trở lại viết thư
có đến tay Bà hay là đã học.

Gia đình tôi kính mãi và biết ơn BàMother Buring

Kính chào

Nguyễn

Nguyễn Thị Minh - Nguyệt

Bà rất mong thư của Bà
tôi gởi 1 tấm ảnh của
chồng tôi đi cho Bà
xin Bà giúp cho tôi
cảm ơn Bà

FROM: Hồ Thị Minh Nguyệt
103/3 đường Võ Văn Kiệt (m)
F13 **PAR AVION**
1768 Chi Minh



MAY 29 1991

TO: Bà Thúc Minh Chus
P.O. BOX 5435
ARLINGTON
V-A 22205-0635

PAR AVION VIA AIR MAIL

U.S.A

Chữ có ảnh xin đừng gộp "cầm ơn"

3/3

24

80

7